

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2019/HS - ST
Ngày: 22 - 01 - 2019

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Vinh Quang.

Ông Nguyễn Ngọc Giao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa:
Ông Cao Thanh Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 107/HSST ngày 28 tháng 12 năm 2018, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lò Thị X - Sinh năm 1998 tại xã CD, huyện TG, tỉnh DB; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố LC, thị trấn QL, huyện GT, tỉnh ND. Nơi cư trú: Kiốt số 67, khu du lịch QL, thị trấn QL, huyện GT, tỉnh ND. Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 10/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn Ph, sinh năm 1976 và bà Lò Thị D, sinh năm 1974, có chồng là: Nguyễn Văn D, sinh năm 1991; có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh ngày 19/12/2018; Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 27/10/2018 đến ngày 29/10/2018. Hiện tại ngoại tại địa phương, chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 43 ngày 29/10/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

Người làm chứng:

1. Chị Lương Thị D - Sinh năm 1987; địa chỉ: Kiốt 67, khu du lịch QL, thị trấn QL, huyện GT, tỉnh ND.

2. Anh Phạm Ngọc T - Sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm 16 xã HS, huyện GT, tỉnh ND.

3. Anh Phùng Văn Q - Sinh năm 1999; địa chỉ: Xóm 11 xã GH, huyện GT, tỉnh ND.

4. Anh Nguyễn Văn D - Sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố LC, thị trấn QL, huyện GT, tỉnh ND.

5. Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm 1964; địa chỉ: Kiốt 69, khu du lịch QL, thị trấn QL, huyện GT, tỉnh ND.

Tại phiên tòa: Bị cáo có mặt; người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 26/10/2018, Phạm Ngọc T và Phùng Văn Qu đi taxi xuống Kiốt số 67, khu du lịch QL, thị trấn QL do Lò Thị X đang quản lý chơi. Khi đến kiốt, T và Qu gọi bia và mực cùng nhau ăn uống. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Qu gọi X đến đặt vấn đề với X bố trí cho một nhân viên nữ để T mua dâm. X đồng ý và gọi Lương Thị D là nhân viên giúp việc của kiốt ra tiếp khách (D hiểu ý X là ra bán dâm cho khách) D đồng ý. X bảo T và D vào phòng 101 ki ốt 67 để mua bán dâm. Qu ngồi ngoài chờ T đồng thời thanh toán cho X 430.000 đồng trong đó có 200.000 đồng tiền mua dâm của T và 230.000 đồng tiền ăn uống. Đến khoảng 19 giờ 10 phút cùng ngày, trong lúc T và D đang mua bán dâm trong phòng 101 thì bị tổ công tác Công an huyện GT, tỉnh ND kiểm tra lập biên bản bắt người có hành vi phạm pháp quả tang. Thu giữ tại phòng 101 một bao cao su chưa sử dụng nhãn hiệu SILVER FOX. Lò Thị X tự giác giao nộp 01 điện thoại di động OPPO F3, tiền Việt Nam 430.000 đồng (Xuân khai trong đó có 200.000 đồng tiền T mua dâm và 230.000 đồng tiền ăn uống do Qu trả cho X). Về số tiền mua bán dâm, X khai sau khi mua bán dâm xong, X trả cho D 60.000 đồng, còn lại 140.000 đồng X chiếm hưởng. Khám xét khẩn cấp, cơ quan công an còn thu giữ 10 bao cao su nhãn hiệu Doctor chưa sử dụng, 01 quyển sổ ghi chép nhãn hiệu SHINEE Phúc Thịnh.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Giao Thủy, cũng như tại phiên tòa: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 01/CT - VKS ngày 26/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy truy tố bị cáo Lò Thị X về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Lò Thị X đã khai nhận hành vi sử dụng Ki ốt do mình quản lý để cho Lương Thị D (nhân viên giúp việc của Kiốt) bán dâm cho Phạm Ngọc T lấy 200.000 đồng. Như vậy hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm”. Do đó, Viện kiểm sát giữ quyền công tố quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lò Thị X phạm tội “Chứa mại dâm”. Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, vừa sinh con nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 200.000 đồng.
- Tịch thu cho tiêu hủy một bao cao su chưa sử dụng nhãn hiệu SILVER FOX; 10 bao cao su nhãn hiệu Doctor chưa sử dụng.

Bị cáo Lò Thị X nói lời sau cùng: Bị cáo trình bày bản thân nhận thức được hành vi “Chứa mại dâm” của mình là phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được miễn hình phạt bổ sung và được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giao Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội D: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 26/10/2018, Phạm Ngọc T và Phùng Văn Q đến kiốt 67 khu du lịch Quất Lâm do Lò Thị X quản lý chơi. Tại đây, Q đặt vấn đề với X, bố trí 01 gái bán dâm cho T mua dâm. X đồng ý rồi gọi Lường Thị D là nhân viên giúp việc của kiốt 67 bán dâm cho T. Q ngồi ngoài và thanh toán cho X 200.000 đồng tiền mua bán dâm của T. Trong lúc T và D đang mua bán dâm tại phòng 101 của kiốt 67 thì bị tổ công tác Công an huyện Giao Thủy phát hiện lập biên bản phạm pháp quả tang. Do đó bị cáo đã phạm tội “Chứa mại dâm”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo với tính chất nghiêm trọng, không những ảnh hưởng đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh lành mạnh, đạo đức, thuần phong, mỹ tục, truyền thống văn hóa bị xâm hại. Mà còn tác động đến kinh tế, sức khỏe, bệnh tật, D dự, nhân phẩm của con người, gây nên một dư luận xấu trong xã hội. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo là người trung gian giao dịch trong việc mua bán dâm, đứng ra thu tiền mua dâm, sử dụng kiốt do mình quản lý để cho họ mua bán dâm. Do vậy cần áp dụng hình phạt tương xứng đối với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm trừng trị giáo dục riêng đối với bị cáo và góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[3] Khi quyết định hình phạt, HĐXX xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có thai khi thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo có đơn trình bày điều kiện gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có hướng tự cải tạo. Cũng chỉ vì mục đích có tiền phục vụ việc chi tiêu cho gia đình và bản thân, sự nhận thức về pháp luật về xã hội có những hạn chế nhất định nên đã có hành vi vi phạm pháp luật dẫn tới phạm tội. Do vậy không nhất thiết buộc bị cáo phải đi tập trung cải tạo mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách như quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 327 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo đang phải nuôi 02 con còn nhỏ, kinh tế khó khăn gia đình khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với Phạm Ngọc Tvà Lương Thị D đã thực hiện hành vi mua bán dâm, xét thấy hành vi củaTvà D chưa đến mức phải xử lý hình sự nên Công an huyện Giao Thủy đã xử phạt hành chính là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 200.000 đồng là tiền Qu trả tiền mua dâm cho T; Tịch thu cho tiêu hủy: 01 bao cao su chưa sử dụng nhãn hiệu SILVER FOX; 10 bao cao su nhãn hiệu Doctor chưa sử dụng. Đối với số tiền 230.000 đồng; 01 điện thoại di động và 01 quyển sổ ghi chép nhãn hiệu SHINEE Phúc Thịnh là tài sản hợp pháp của bị cáo X nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 327; điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Lò Thị X phạm tội “Chứa mại dâm”; xử phạt bị cáo Lò Thị X 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án (Bị cáo đã bị bắt tạm giữ từ ngày 27/10/2018 đến ngày 29/10/2018).

Giao bị cáo Lò Thị X cho UBND thị trấn QL, huyện GT, tỉnh ND giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 200.000 đồng.

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 bao cao su nhãn hiệu SILVER FOX; 10 bao cao su nhãn hiệu Doctor (đều chưa qua sử dụng).

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 28/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao Thủy).

3. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lò Thị X phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Lò Thị X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ND;
- VKSND huyện GT;
- Chi cục THADS huyện GT;
- Công an huyện GT;
- UBND thị trấn GT;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Lâm

